

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC

(Kèm theo Thông tư số /TT-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO	3
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ THỜI LƯỢNG GIẢNG DẠY	4
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	4
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù.....	4
3. Thời lượng giảng dạy nội dung giáo dục nâng cao	5
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN HỌC	5
3.1. Các chuyên đề dạy học.....	5
3.2. Năng lực giao tiếp	12
IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	15
1. Phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học	15
2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh	16
V. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	16

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên nhằm mục đích phát triển năng khiếu của học sinh đối với môn Tiếng Trung Quốc trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện; Giúp học sinh có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo; Giáo dục học sinh thành người có lòng yêu nước, tinh thần vượt khó, tự hào, tự tôn dân tộc; Giúp học sinh có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Bên cạnh việc tiếp thu, kế thừa thành công, ưu điểm của chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc hiện hành của Việt Nam, Chương trình môn Tiếng Trung Quốc được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu chuyên sâu chương trình môn học này của một số quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Kết quả nghiên cứu đó cho phép rút ra các xu hướng chung trong xây dựng chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc vận dụng cho Việt Nam.

Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên kế thừa, nâng cao từ nội dung chương trình môn học quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình giáo dục nâng cao môn học hệ thống hoá, nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng và giá trị cốt lõi của học sinh đã được học từ Chương trình giáo dục phổ thông nhằm phát triển năng khiếu của học sinh đối với từng môn chuyên. Nội dung giáo dục môn chuyên tại trường trung học phổ thông chuyên bao gồm nội dung chương trình môn học được ban hành tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao môn học.

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc dành cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu về môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; đồng thời cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo, khả năng định hướng nghề nghiệp.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ THỜI LƯỢNG GIẢNG DẠY

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại nội dung dạy học tổng thể; đó là phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, tự chủ, tự học và các năng lực cốt lõi, đặc thù ở mức độ cao, phù hợp với học sinh trường chuyên.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển cho học sinh năng lực giao tiếp thông qua việc sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, chữ Hán, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống và ngữ cảnh khác nhau liên quan đến các chủ đề, chủ điểm thống nhất với *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc - Ngoại ngữ 1*. Sau khi hoàn thành các chuyên đề, học sinh đạt trình độ tiếng Trung Quốc Bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể là: “ Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.”

Chương trình cũng giúp học sinh hiểu sâu rộng về đất nước, con người, và văn hoá Trung Quốc, tôn trọng sự khác biệt văn hóa và giới thiệu được văn hóa Việt Nam bằng tiếng Trung Quốc. Học sinh phát triển phẩm chất yêu đất nước, trung thực, nhân ái và có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Thông qua các hoạt động học tập và nghiên cứu, học sinh sẽ có được những hiểu biết đa dạng và phong phú, giúp họ trưởng thành và trở thành những công dân toàn cầu có trách nhiệm.

Ngoài ra, chương trình còn nâng cao năng lực tự học và sáng tạo, khả năng hợp tác, tư duy phê phán và giải quyết vấn đề, giúp học sinh tự tin tìm tòi, nghiên cứu, làm việc nhóm, và đưa ra giải pháp hiệu quả trong các tình huống phức tạp. Khả năng tự học, tìm tòi và nghiên cứu các tài liệu, nguồn thông tin tiếng Trung Quốc sẽ giúp học sinh nâng cao trình độ ngôn ngữ và kiến thức văn hóa của bản thân, đồng thời phát triển khả năng sáng tạo và tư duy logic trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3. Thời lượng giảng dạy nội dung giáo dục nâng cao

Thực hiện chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc với thời lượng 70 tiết cho một năm học.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN HỌC

3.1. Các chuyên đề dạy học

3.1.1. Lớp 10

Chuyên đề	Yêu cầu cần đạt	Nội dung dạy học	Số tiết
Nghe (độc thoại, hội thoại, mẫu chuyện, hướng dẫn, bài phát biểu)	<p>1.1. Nghe và thực hiện được chi tiết các thông báo, hướng dẫn thông thường trong cuộc sống (chỉ dẫn giao thông, hướng dẫn tại bệnh viện, nhà ga, ngân hàng...)</p> <p>1.2. Nghe và xác định được nội dung các đoạn hội thoại, độc thoại tương đối dài (nhiều lượt hỏi đáp) trong phạm vi chủ đề đã học.</p> <p>1.3. Nghe và tóm tắt được nội dung chính các câu chuyện, các bài phát biểu ngắn trong phạm vi chủ đề thường gặp.</p>	<p>Chủ điểm – chủ đề (gồm chủ đề bắt buộc và chủ đề tự chọn, trong đó chủ đề bắt buộc chiếm khoảng 80%, chủ đề tự chọn chiếm khoảng 20%):</p> <p><i>Cuộc sống của chúng ta:</i> Cuộc sống gia đình, Khoảng cách thế hệ.</p> <p><i>Xã hội của chúng ta:</i> Các vấn đề xã hội, Giáo dục.</p> <p><i>Môi trường của chúng ta:</i> Con người và môi trường, Môi trường xanh.</p> <p><i>Tương lai của chúng ta:</i> Tương lai của các thành phố, Sức khỏe và tuổi thọ.</p>	17
Nói (độc thoại, hội thoại, thảo luận, thuyết trình)	<p>2.1. Tham gia vào được các hội thoại liên quan đến hầu hết các chủ đề quen thuộc một cách chủ động, tự nhiên.</p> <p>2.2. Trình bày, mô tả rõ ràng, về các chủ đề thuộc lĩnh vực quan tâm.</p> <p>2.3. Bày tỏ được quan điểm cá nhân một cách logic, có dẫn chứng minh họa được chuẩn bị trước về các chủ đề quen thuộc (cuộc sống gia đình, cộng đồng, danh lam thắng cảnh, con</p>	<p>Các chủ đề tự chọn</p> <p>I. Ngữ âm: Ngữ điệu và biểu cảm (biểu thị sự ngạc nhiên, nghi vấn)</p> <p>II. Chữ Hán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số thể chữ Hán thông dụng - Một số bộ thủ dễ nhầm lẫn <p>III. Từ vựng:</p> <p>Khoảng 250 từ</p> <p>1. Danh từ, động từ, tính từ liên quan đến chủ đề</p>	18

	<p>người...)</p> <p>2.4. Trả lời được các câu hỏi sau khi trình bày vấn đề liên quan đến các chủ đề quen thuộc.</p>	<p>tương ứng</p> <p>2. Lượng từ:</p> <p>2.1. Danh lượng từ: 打, 袋, 根, 卷, 棵, 批</p> <p>2.2. Lượng từ vay mượn: 碗, 脸, 手, 屋子, 桌子, 刀, 针</p> <p>3. Phó từ:</p> <p>3.1. Phó từ chỉ mức độ: 格外, 极其</p> <p>3.2. Phó từ chỉ phạm vi: 共</p> <p>3.3. Phó từ chỉ tần suất: 一再, 再三</p> <p>3.4. Phó từ chỉ quan hệ: 却</p> <p>3.5. Phó từ phủ định: 未必</p> <p>3.6. Phó từ chỉ tình thái: 似乎</p>	
Đọc (đoạn văn, mẫu chuyện ngắn, bảng biểu, hướng dẫn, biển báo, thông báo)	<p>3.1. Đọc và trình bày được ý chính của văn bản ngắn về các vấn đề thời sự đã học với kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p> <p>3.2. Đọc và thực hiện được thông tin cần thiết trong các bảng biểu hướng dẫn, biển báo, thông báo đơn giản.</p> <p>3.3. Đọc và giải thích được thông điệp trong các câu chuyện ngắn trên sách, báo về những chủ đề đã học hằng ngày với kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p>		17
Viết (bài văn, tin nhắn, đơn từ)	<p>4.1. Viết được bài văn ngắn có cấu trúc hoàn chỉnh về chủ đề thường gặp, thể hiện được quan điểm, ý kiến cá nhân, sử dụng kiến thức ngôn ngữ tương ứng của chương trình nâng cao.</p> <p>4.2. Viết được bài văn ngắn miêu tả chi tiết, rõ ràng liên quan đến kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân về những chủ đề cá nhân quan tâm, sử dụng được kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p> <p>4.3. Viết được đoạn tin nhắn ngắn để lưu lại hoặc tin nhắn trao đổi, bày tỏ quan điểm của cá</p>	<p>4. Giới từ: 自, 对于</p> <p>5. Liên từ: 并; 此外, 而是, 总之</p> <p>6. Trợ từ: 似的</p> <p>7. Thán từ: 啊</p> <p>8. Từ đồng nghĩa/ cận nghĩa liên quan đến chủ đề.</p> <p>9. Thành ngữ, tục ngữ trong tiếng Trung Quốc.</p> <p>IV. Ngữ pháp:</p> <p>1. Cách nói ước lượng dùng 来</p> <p>2. Cách nói phân số, số thập phân, phần trăm, bội</p>	18

	nhân về vấn đề đôi bên cùng quan tâm; 4.4. Viết được đơn xin phép thông thường.	số 3. Cấu trúc 看来 来得及/来不及 说不定 一般来说 (自)以来 在.....方面 在.....上/中 4. Dạng thức câu: Câu vị ngữ chủ vị Câu có ý nghĩa bị động Câu tồn hiện Kiến thức văn hóa Quan niệm truyền thống Trung Quốc thông qua ý nghĩa các thành ngữ, tục ngữ.	
--	--	---	--

1. 1.2. Lớp 11

Chuyên đề	Yêu cầu cần đạt	Nội dung dạy học	Số tiết
Nghe (đọc thoại, hội thoại, thông báo, chỉ dẫn, phát thanh,	1.1. Nghe và thực hiện theo các thông báo, chỉ dẫn tương đối phức tạp, như quy định trong trường học, hướng dẫn ở địa điểm tham quan, trên xe buýt hoặc tàu điện ngầm...	I. Chủ điểm - chủ đề (gồm chủ đề bắt buộc và chủ đề tự chọn, trong đó chủ đề bắt buộc chiếm khoảng 80%, chủ đề tự chọn chiếm khoảng 20%).	17

truyền hình)	<p>1.2. Nghe và phân tích được quan điểm, lập luận, ý nghĩa hàm ẩn trong các đoạn độc thoại hoặc hội thoại tương đối phức tạp về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>1.3. Nghe và tóm tắt được nội dung chi tiết của một số chương trình trên đài phát thanh và truyền hình, sử dụng ngôn ngữ chuẩn.</p>	<p><i>Cuộc sống của chúng ta:</i> Câu chuyện cuộc sống; Giải trí; Lối sống lành mạnh;</p> <p><i>Xã hội của chúng ta:</i> Bản sắc văn hóa; Việt Nam và các nước, khu vực, tổ chức quốc tế;</p> <p><i>Môi trường của chúng ta:</i></p> <p>Bảo tồn di sản; Du lịch sinh thái;</p>	
Nói (độc thoại, hội thoại, tường thuật, thuyết trình)	<p>2.1. Giao tiếp được một cách lưu loát, tự nhiên về nhiều chủ đề, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác.</p> <p>2.2. Thuật lại được nội dung chính của một câu chuyện, bộ phim, một sự việc và diễn tả được cảm xúc của mình một cách rõ ràng.</p> <p>2.3. Trình bày được các ý quan trọng thông qua kinh nghiệm cá nhân, bảo vệ quan điểm với những lập luận và minh chứng liên quan.</p> <p>2.4. Thuyết trình một cách rõ ràng có chuẩn bị trước, nêu được lý do ủng hộ hoặc phản đối một quan điểm cụ thể. (Biết sử dụng các phương tiện hỗ trợ trực quan như biểu đồ, hình ảnh.)</p>	<p><i>Tương lai của chúng ta:</i> Giáo dục trong tương lai; Học tập suốt đời.</p> <p>Các chủ đề tự chọn.</p> <p>II. Ngữ âm: Ngữ điệu và biểu cảm (biểu thị sự khoa trương, phán đoán)</p> <p>III. Chữ Hán:</p> <p>Biểu âm (声旁) và biểu nghĩa (形旁) liên quan đến một số chữ Hán.</p> <p>IV. Từ vựng:</p> <p>Khoảng 260 từ vựng</p> <p>1. Danh từ, động từ, tính từ liên quan đến chủ đề tương ứng;</p> <p>2. Phó từ</p> <p>2.1. Phó từ chỉ thời gian: 急忙, 渐渐, 尽快</p> <p>2.2. Phó từ chỉ ngữ khí: 的确, 反而, 还</p> <p>3. Giới từ: 替; 作为</p> <p>4. Liên từ: 以及, 而, 可见</p> <p>5. Từ đồng nghĩa/ cận nghĩa liên quan đến chủ đề.</p>	18
Đọc (đoạn văn, đơn từ, thông báo, kế hoạch)	<p>3.1. Đọc và xác định được nội dung chính và nội dung chi tiết trong các văn bản ngắn về các chủ đề mang tính thời sự quen thuộc, sử dụng kiến thức ngôn ngữ thuộc chương trình nâng cao.</p> <p>3.2. Đọc và trích xuất được thông tin chi tiết từ các văn bản hành chính như đơn xin học</p>		17

	<p>bổng, thông báo trúng tuyển, kế hoạch năm học...</p> <p>3.3. Đọc và phân tích được nội dung chính và nội dung chi tiết của các văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng trong chương trình học, với ngữ liệu ngôn ngữ tương ứng ở mức nâng cao.</p> <p>3.4. Lý giải được quan điểm, thái độ của tác giả, ý nghĩa hàm ẩn trong các văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng có trong chương trình với kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p>	6. Thành ngữ, quán dụng ngữ, tục ngữ trong tiếng Trung Quốc.	
Viết (bài văn, kế hoạch)	<p>4.1. Viết được bài văn ngắn, cấu trúc hoàn chỉnh giới thiệu một sự vật, địa danh, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa..., có sử dụng các phương thức liên kết văn bản, sử dụng được kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p> <p>4.2. Viết được bài văn ngắn, cấu trúc hoàn chỉnh theo văn phong nghị luận nêu bật được quan điểm cá nhân về một vấn đề nào đó và có dẫn chứng minh họa, sử dụng được kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p> <p>4.3. Viết được kế hoạch cá nhân, như kế hoạch đi nghỉ hè, kế hoạch học tập, kế hoạch cho chuyến đi du lịch...sử dụng được kiến thức</p>		18

	ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.		
--	---	--	--

3.1.3. Lớp 12

Chuyên đề	Yêu cầu cần đạt	Nội dung dạy học	Số tiết
Nghe (độc thoại, hội thoại, thông báo, chỉ dẫn, phát thanh, truyền hình)	<p>1.1. Nghe và thực hiện theo các thông báo, chỉ dẫn tương đối phức tạp, như quy định trong trường học, chỉ dẫn tại địa điểm tham quan, hướng dẫn trên phương tiện công cộng.</p> <p>1.2. Nghe và phân tích được quan điểm, lập luận, ý nghĩa hàm ẩn trong các đoạn độc thoại hoặc hội thoại tương đối phức tạp về các chủ đề quen thuộc có sử dụng thành ngữ, tục ngữ hoặc ngôn ngữ chuyên ngành.</p> <p>1.3. Nghe và tóm tắt được nội dung chi tiết của một số chương trình phát thanh, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn.</p>	<p>I. Chủ đề - chủ điểm (gồm chủ đề bắt buộc và chủ đề tự chọn, trong đó chủ đề bắt buộc chiếm khoảng 80%, chủ đề tự chọn chiếm khoảng 20%):</p> <p><i>Cuộc sống của chúng ta:</i> Cuộc sống tự lập; Tốt nghiệp và chọn nghề;</p> <p><i>Xã hội của chúng ta:</i> Dịch vụ cộng đồng; Phương tiện truyền thông đại chúng;</p> <p><i>Môi trường của chúng ta:</i></p> <p>Biến đổi khí hậu; Bảo tồn môi trường tự nhiên;</p> <p><i>Tương lai của chúng ta:</i> Trí tuệ nhân tạo; Thế giới công việc;</p> <p>Các chủ đề tự chọn.</p>	17
Nói (độc thoại, hội thoại, tường thuật, thuyết trình)	<p>2.1. Giao tiếp được một cách lưu loát, tự nhiên về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác.</p> <p>2.2. Thuật lại được nội dung chính của một câu chuyện, bộ phim, một sự việc và diễn tả được cảm xúc của mình một cách rõ ràng bằng lập luận rõ ràng, chặt chẽ.</p> <p>2.3. Trình bày được các ý quan trọng thông qua kinh nghiệm cá nhân.</p> <p>2.4. Thuyết trình một cách rõ ràng có chuẩn bị trước, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau.</p>	<p>II. Ngữ âm:</p> <p>Quy tắc trọng âm ngữ pháp của câu;</p> <p>III. Chữ Hán:</p> <p>Mẫu chữ viết tay chân phương;</p> <p>IV. Từ vựng:</p> <p>Khoảng 280 từ</p> <p>1. Danh từ, động từ, tính từ liên quan đến chủ đề</p>	18

<p>Đọc (đoạn văn, đơn từ, thông báo, kế hoạch)</p>	<p>3.1. Đọc và xác định được nội dung chính và nội dung chi tiết của các văn bản ngắn về các chủ đề mang tính thời sự quen thuộc, sử dụng kiến thức ngôn ngữ thuộc chương trình nâng cao.</p> <p>3.2. Đọc và trích xuất được thông tin chi tiết từ các văn bản hành chính như đơn xin học bổng, thông báo trúng tuyển, thông báo kế hoạch năm học.</p> <p>3.3. Đọc và phân tích được nội dung chính, nội dung chi tiết của các văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng có trong chương trình, với kiến thức ngôn ngữ phù hợp trình độ nâng cao.</p> <p>3.4. Lý giải được quan điểm, thái độ của tác giả, ý nghĩa hàm ẩn trong các văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng có trong chương trình với kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p>	<p>tương ứng</p> <p>2. Phó từ</p> <p>2.1 Phó từ chỉ thời gian: 即将</p> <p>2.2. Phó từ chỉ ngữ khí: 竟然</p> <p>3. Định ngữ: định ngữ đa tầng</p> <p>4. Bổ ngữ: bổ ngữ xu hướng (nghĩa mở rộng): 动词+上/出/起/下</p> <p>5. Từ đồng nghĩa/ cận nghĩa liên quan đến chủ đề.</p> <p>6. Thành ngữ, quán dụng ngữ, tục ngữ trong tiếng Trung Quốc.</p> <p>V. Ngữ pháp:</p> <p>Cấu trúc:</p> <p>……, 然而……</p> <p>……, 否则……</p> <p>假如……, (就) ……</p> <p>万一……, (就) ……</p> <p>……, 可见……</p>	<p>17</p>
<p>Viết (bài văn, kế hoạch)</p>	<p>4.1. Viết được bài văn ngắn, cấu trúc hoàn chỉnh giới thiệu một sự vật, địa danh, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa..., có sử dụng các phương thức liên kết văn bản, sử dụng được kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.</p> <p>4.2. Viết được bài văn ngắn, cấu trúc hoàn chỉnh theo văn phong nghị luận nêu bật được quan điểm cá nhân về một vấn đề nào đó và có dẫn chứng minh họa, sử dụng được kiến thức</p>	<p>VI. Kiến thức văn hóa</p> <p>1. Quan niệm truyền thống Trung Quốc thông qua ý nghĩa các thành ngữ, quán dụng ngữ, tục ngữ.</p> <p>2. Kiến thức về văn hóa, đất nước, con người</p>	<p>18</p>

	ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao. 4.3. Viết được kế hoạch cá nhân, như kế hoạch đi nghỉ hè, kế hoạch học tập, kế hoạch cho chuyến đi du lịch... sử dụng được kiến thức ngôn ngữ tương ứng thuộc chương trình nâng cao.	Trung Quốc ở một số nội dung như nghệ thuật, kiến trúc, âm thực.	
--	---	--	--

3.2. Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp thuộc Chương trình giao dục nâng cao Môn Tiếng Trung Quốc trong trường trung học phổ thông chuyên được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ điểm, chủ đề (thống nhất với chủ điểm, chủ đề của Chương trình tiếng Trung Quốc - Ngoại ngữ 1). Dưới đây là danh mục gợi ý các năng lực giao tiếp cho các lớp học:

Chủ điểm	Chủ đề	Năng lực giao tiếp
Cuộc sống của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộc sống gia đình - Khoảng cách thế hệ - Giải trí - Lối sống lành mạnh - Cuộc sống tự lập - Câu chuyện cuộc sống - Tốt nghiệp và chọn nghề - Khởi nghiệp - Các chủ đề tự chọn 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh về mối quan hệ gia đình trong các bối cảnh văn hóa khác nhau giữa Việt Nam và Trung Quốc. - Phân tích tác động của các hoạt động giải trí hiện đại, bao gồm trò chơi điện tử, mạng xã hội, và truyền thông đại chúng... đối với giới trẻ. Thảo luận và đề xuất các biện pháp để quản lý thời gian và lựa chọn các hình thức giải trí lành mạnh, đảm bảo sự cân bằng giữa giải trí và học tập. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống lành mạnh của học sinh (như chế độ dinh dưỡng, thể dục thể thao..). Thảo luận về mối quan hệ giữa lối sống lành mạnh và hiệu quả học tập. - Phân tích các khía cạnh của cuộc sống tự lập, bao gồm quản lý tài chính cá nhân, phát triển kỹ năng sống, và xây dựng mối quan

		<p>hệ xã hội. Thảo luận về những thách thức và cơ hội mà cuộc sống tự lập mang lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích những câu chuyện cuộc sống đã trải qua hoặc được nghe kể từ những người khác, đặc biệt là những trải nghiệm mang tính giáo dục và ý nghĩa sâu sắc về cuộc sống. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, bao gồm sở thích cá nhân, nhu cầu thị trường lao động, và các xu hướng nghề nghiệp trong tương lai.
Xã hội của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề xã hội - Giáo dục, sức khỏe tâm thần - Dịch vụ cộng đồng - Phương tiện truyền thông đại chúng - Bản sắc văn hoá - Việt Nam và các nước, khu vực, tổ chức quốc tế - Thương mại điện tử - Các chủ đề tự chọn 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các vấn đề xã hội nổi bật như bình đẳng xã hội, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... Thảo luận về trách nhiệm của mỗi cá nhân và cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. - Phân tích các hình thức giáo dục khác nhau, bao gồm các hình thức giáo dục truyền thống và hình thức giáo dục hiện đại, vai trò của công nghệ trong việc thay đổi cách thức học tập. - Giới thiệu và phân tích các dịch vụ cộng đồng như y tế, giáo dục, giao thông công cộng... - Phân tích vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng như báo đài, mạng xã hội trong việc hình thành ý thức xã hội và ảnh hưởng đến quan điểm cá nhân. Thảo luận về những lợi ích và rủi ro của việc tiếp nhận thông tin qua các phương tiện này. - Trình bày và phân tích các yếu tố cấu thành bản sắc văn hóa của một dân tộc, bao gồm ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghệ thuật... - Giới thiệu vai trò của Việt Nam trong quan hệ với các nước

		trong khu vực và trên thế giới.
Môi trường của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn di sản - Biến đổi khí hậu - Bảo tồn môi trường tự nhiên - Con người và môi trường - Môi trường xanh - Du lịch sinh thái - Các chủ đề tự chọn 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu các biện pháp bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên ở Việt Nam, thảo luận về tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản. - Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với môi trường tự nhiên và đời sống con người, thể hiện quan điểm về trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường trước những tác động của biến đổi khí hậu. - Phân tích việc xây dựng và duy trì môi trường xanh, bao gồm việc giảm thiểu ô nhiễm. Thảo luận về những lợi ích của môi trường xanh đối với sức khỏe con người và sự phát triển bền vững. - Giới thiệu về mô hình du lịch sinh thái, thảo luận về những lợi ích của du lịch sinh thái.
Tương lai của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục trong tương lai - Học tập suốt đời - Trí tuệ nhân tạo - Tương lai của các thành phố - Sức khỏe và tuổi thọ - Thế giới công việc - Các chủ đề tự chọn 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu các xu hướng giáo dục tương lai, bao gồm sự tích hợp của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và học tập từ xa vào giáo dục. Thảo luận về những thách thức và cơ hội mà những xu hướng này mang lại. - Phân tích các xu hướng phát triển đô thị trong tương lai, bao gồm đô thị hóa, phát triển bền vững, và ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý thành phố. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ, bao gồm lối sống, chế độ dinh dưỡng, hoạt động thể chất, và chăm sóc y tế. Thảo luận về các biện pháp cải thiện sức khỏe cá nhân và cộng đồng. - Thảo luận về các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp trong tương

		lai. Bày tỏ quan điểm cá nhân về việc phát triển kỹ năng mềm cho công việc trong tương lai.
--	--	---

IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học

1.1. Phương pháp, hình thức dạy học

Dạy học tập trung vào việc phát huy cao độ tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; hình thành ở học sinh phương pháp và nhu cầu tự học, tạo niềm vui, hứng thú trong học tập.

Sử dụng tối đa các phương pháp dạy học tích cực, đề cao vai trò trung tâm nhận thức của học sinh như thảo luận, tranh luận, đặt và giải quyết vấn đề, dự án, đóng vai, viết báo cáo...; phát huy các mặt tích cực của những phương pháp dạy học hiện có như thuyết trình, đàm thoại, so sánh. Những phương pháp này không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức mà còn phát triển kỹ năng tư duy phê phán và giải quyết vấn đề.

Phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng theo môn học bao gồm việc tích hợp các bài học về văn hóa, lịch sử và xã hội Trung Quốc trong quá trình dạy ngôn ngữ để học sinh có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn. Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin, học liệu số, và các phương tiện trực quan như video, hình ảnh, và phần mềm học tập để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của bài học. Khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ tiếng Trung, các cuộc thi hùng biện, và giao lưu văn hóa với người bản ngữ để nâng cao kỹ năng thực hành và tự tin giao tiếp. Những hình thức này tạo điều kiện cho học sinh trải nghiệm thực tế, củng cố kiến thức và kỹ năng đã học, đồng thời xây dựng sự tự tin và khả năng làm việc nhóm.

1.2. Phương tiện dạy học

- Đảm bảo đủ các phương tiện dạy học nằm trong danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành như: sách giáo khoa, thiết bị nghe nhìn, tranh ảnh, bảng phụ, máy chiếu, máy tính, thiết bị trình chiếu và bảng tương tác.

- Việc sử dụng các phương tiện dạy học cần được tổ chức theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh: khuyến khích các em tìm tòi, khám phá kiến thức từ các thiết bị, tài liệu học tập; đồng thời, giáo viên hướng dẫn học sinh biết cách tạo lập và sử dụng tư liệu học tập phục vụ cho quá trình tự học và ôn luyện.

- Trong điều kiện cho phép, các trường có thể tăng cường thêm một số phương tiện hiện đại như:

+ Phòng học đa phương tiện được trang bị máy chiếu, bảng tương tác và hệ thống âm thanh hỗ trợ hoạt động giảng dạy – học tập.

+ Thư viện tài liệu số và phần mềm học tập chuyên dụng, giúp học sinh tiếp cận với nguồn tài nguyên học tập phong phú, hiện đại.

+ Thiết bị hỗ trợ học tập cá nhân như máy tính bảng, tai nghe, công cụ luyện nghe – nói nhằm phục vụ học sinh tự học ngoài giờ chính khóa.

+ Hệ thống kết nối mạng ổn định nhằm hỗ trợ việc sử dụng tài liệu trực tuyến, tham gia các tiết học ảo hoặc tương tác với giáo viên – bạn học.

2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của học sinh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Việc đánh giá được thực hiện theo các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng; trong đó, cần tăng cường nhiều hơn việc đánh giá theo các mức độ vận dụng; yêu cầu, tạo điều kiện và khuyến khích học sinh giải quyết vấn đề và sáng tạo trong học tập; nội dung đánh giá thường xuyên theo các chuyên đề nâng cao;

- Nội dung đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đã được quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Trung Quốc. Giáo viên cần dựa vào các yêu cầu cần đạt đã quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Trung Quốc quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao (phần nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc) dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên để đánh giá kết quả học tập của học sinh;

- Đa dạng hoá các hình thức đánh giá: đánh giá thông qua bài viết và bài nói; đánh giá thông qua vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, đánh giá thông qua quan sát. Tạo điều kiện để học sinh tham gia vào việc đánh giá kết quả học tập (Học sinh đánh giá kết quả học tập của bạn, tự đánh giá kết quả học tập của mình).

V. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc trong trường trung học phổ thông chuyên được dạy từ lớp 10 đến lớp 12 và tuân thủ các quy định theo Thông tư 05/2023 ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên.

Về thời lượng dạy Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc, cụ thể như sau:

Trung học phổ thông		
Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12

70	70	70
210 tiết		

Điều kiện thực hiện chương trình

Để thực hiện Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Trung Quốc trong trường trung học phổ thông chuyên đạt hiệu quả, cần đảm bảo các điều kiện cơ bản sau:

Giáo viên:

- Đảm bảo số lượng giáo viên để thực hiện số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường trung học phổ thông chuyên.
- Giáo viên phải đạt yêu cầu theo quy định về tổ chức hoạt động của trường chuyên
- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình này.
- Giáo viên cần được tạo điều kiện bồi dưỡng về năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ phù hợp, hỗ trợ học sinh phát triển năng lực giao tiếp theo các cấp độ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và phát triển, bồi dưỡng học sinh giỏi.

Cơ sở vật chất:

Đảm bảo các điều kiện về tài liệu dạy học, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số lượng học sinh trong một lớp học không quá quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.